

# LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG NĂM 2022



*Luật Thi đua khen thưởng số Cảnh sát cơ động số 06/2022/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 15/6/2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024, bao gồm 8 Chương và 96 Điều. Sau đây là một số nội dung mới của Luật Thi đua khen thưởng năm 2022:*

## 1/ Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Luật TĐKT)

Luật này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự và thủ tục thi đua, khen thưởng.

## 2/ Đối tượng áp dụng (Điều 2 Luật TĐKT)

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

## 3/ Mục tiêu của thi đua, khen thưởng (Điều 4 Luật TĐKT)

1. Mục tiêu của thi đua là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, hộ gia đình phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được thành tích tốt nhất

trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## 4/ Nguyên tắc thi đua, khen thưởng (Điều 5 Luật TĐKT)

1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch;
- Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;
  - Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;
  - Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;
  - Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
3. Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

## 5/ Danh hiệu thi đua (Điều 6 Luật TĐKT)

Gồm: Danh hiệu thi đua đối với cá nhân; Danh hiệu thi đua đối với tập thể; Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

6/ Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua (Điều 7 Luật TĐKT) gồm: Phong trào thi đua; Thành tích thi đua; Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

## 7/ Các loại hình khen thưởng (Điều 8 Luật TĐKT)

1. Khen thưởng công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có quá trình công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

## 8/ Hình thức khen thưởng (Điều 9 Luật TĐKT)

Gồm: Huân chương; Huy chương; Danh hiệu vinh dự nhà nước; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”,

“Giải thưởng Nhà nước”; Kỷ niệm chương; Bằng khen; Giấy khen.

**9/ Căn cứ xét khen thưởng (Điều 10 Luật TĐKT)**

Gồm: Thành tích đạt được; Tiêu chuẩn khen thưởng; Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

**10/ Hiện vật khen thưởng (Khoản 1 Điều 12 Luật TĐKT)**

Hiện vật khen thưởng là sản phẩm đặc biệt, được Nhà nước bảo hộ để tặng cho tập thể, hộ gia đình, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, gồm huân chương, huy chương; huy hiệu của danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; kỷ niệm chương; bằng, cờ, giấy khen của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

**11/ Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng (Điều 13 Luật TĐKT)**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và có trách nhiệm sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động, động viên các đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tích cực tham gia phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc; phổ biến, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, góp phần cổ vũ, khích lệ phong trào thi đua. Công tác tuyên truyền phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm sau đây:

a) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tham mưu phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng;

d) Tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua.

**12/ Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức Việt Nam khi nhận hình thức khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài (Điều 14 Luật TĐKT)**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam khi nhận hình thức khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**13/ Hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng (Điều 15 Luật TĐKT)**

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở, nhiễu nhiễu, tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trái pháp luật.

5. Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.

6. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật.

**14/ Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua (Điều 16 Luật TĐKT)**

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên;

b) Thi đua theo chuyên đề.

2. Phạm vi tổ chức thi đua gồm:

a) Toàn quốc;

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương;

c) Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức;

d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**15/ Thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua (Điều 18 Luật TĐKT)**

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn quốc.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu ban, ngành phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành và lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

**16/ Danh hiệu (Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật TĐKT)**

Gồm các danh hiệu sau: Danh hiệu thi đua đối với cá nhân; Danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình; Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh; Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”; Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”; Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh; Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”; Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu; Danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa; Danh hiệu “Gia đình văn hóa” và các danh hiệu thi đua khác

**17/ Huân chương (Điều 33 Luật TĐKT)**

1. Huân chương để tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Huân chương gồm:

- a) “Huân chương Sao vàng”;
- b) “Huân chương Hồ Chí Minh”;

c) “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) “Huân chương Quân công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

đ) “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

e) “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

g) “Huân chương Chiến công” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

h) “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”;

i) “Huân chương Dũng cảm”;

k) “Huân chương Hữu nghị”.

**18/ Huy chương (Điều 54 Luật TĐKT)**

1. Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có quá trình công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; người nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2. Huy chương gồm:

a) “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”;

b) “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”;

c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;

d) “Huy chương Hữu nghị”.

**19/ Danh hiệu vinh dự nhà nước (Điều 59 Luật TĐKT)**

1. Danh hiệu vinh dự nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) “Tinh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”;

b) “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

c) “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

d) “Anh hùng Lao động”;

đ) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;

e) “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

g) “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

h) “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

**20/ “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” (Điều 68 Luật TĐKT)**

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân trung thành với Tổ quốc, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 69 và Điều 70 của Luật này và đã được công bố, sử dụng kể từ ngày 02 tháng 9 năm 1945, bao gồm:

a) Công trình khoa học và công nghệ, giáo dục;

b) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam, là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

**21/ Kỷ niệm chương (Khoản 1 Điều 71 Luật TĐKT)**

Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội. Tên kỷ niệm chương, đối tượng, tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

**22/ Bằng khen (Điều 72 Luật TĐKT)**

Gồm: “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

**23/ Giấy khen (Khoản 1 Điều 75 Luật TĐKT)**

Giấy khen gồm:

- a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành;
- b) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;
- c) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương;
- d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- đ) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**24/ Thảm quyền của Chủ tịch nước (Điều 77 Luật TĐKT)**

Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

**25/ Thảm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Điều 78 Luật TĐKT)**

- 1. Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.
- 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

**26/ Thảm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 79 Luật TĐKT)**

- 1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định tặng kỷ niệm chương.
- 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân

dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, kỷ niệm chương; người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ quyết định tặng kỷ niệm chương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, ban, ngành quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng cờ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu, bằng khen, kỷ niệm chương.

5. Thảm quyền quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định.

**27/ Thảm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, ban, ngành, tỉnh, Ủy ban**

**nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (Điều 80 Luật TĐKT)**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, ban, ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, giấy khen và danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

4. Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và giấy khen; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định tặng giấy khen.

5. Thảm quyền quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

**28/ Thảm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các hình thức khen thưởng khác (Điều 81 Luật TĐKT)**

1. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thảm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên

phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

2. Doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng. Việc xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Việc xét tặng và công bố các danh hiệu, giải thưởng phải được tổ chức công khai, khách quan, công bằng, bình đẳng, trên cơ sở tự nguyện của doanh nhân, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, bảo đảm không trái với các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Mỗi cơ quan, tổ chức chỉ được tổ chức tối đa 02 giải thưởng hoặc danh hiệu có phạm vi toàn quốc. Tên gọi, nội dung của danh hiệu, giải thưởng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, hoạt động của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

**29/ Thẩm quyền trao tặng (Điều 82 Luật TĐKT)**

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

2. Đại sứ hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước Việt Nam cho cá nhân, tập thể ở nước sở tại.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

**30/ Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Điều 83 Luật TĐKT)**

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác. Cấp quản

lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương, Giám đốc đại học quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, công nhận thành tích, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

3. Người đứng đầu cơ quan được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công tham mưu, giúp về công tác thi đua, khen thưởng đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xét tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương do người có thẩm quyền của địa phương

đề nghị khen thưởng theo phân cấp về thẩm quyền quản lý đối với cán bộ ở địa phương.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương, Giám đốc đại học quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Băng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Người đứng đầu cơ quan được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công tham mưu, giúp về công tác thi đua, khen thưởng đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng kỷ niệm chương cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội.

6. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

7. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền đề nghị, trình khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

**31/ Quyền của cá nhân, tập thể, hộ gia đình (Điều 86 Luật TĐKT)**

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được tham gia các phong trào thi đua, được khen thưởng kèm

theo hiện vật khen thưởng và hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, hộ gia đình được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng. Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

**32/ Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình (Điều 87 Luật TĐKT)**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.

**33/ Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 88 Luật TĐKT)**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**34/ Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (Điều 89 Luật TĐKT)**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng gồm:

- a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- b) Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng;
- c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác thi đua, khen thưởng;

đ) Thẩm định hồ sơ trình xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng, xây dựng cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng;

g) Phát động, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng;

h) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng;

k) Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng.

**35/ Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (Điều 90 Luật TĐKT)**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan của Đảng ở trung ương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ

chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước;

b) Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

5. Chính phủ quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**36/ Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước (Điều 91 Luật TĐKT)**

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thực hiện quản lý công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi ngành.

**37/ Trách nhiệm của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Điều 92 Luật TĐKT)**

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp

luật có liên quan thực hiện quản lý công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi tổ chức.

**38/ Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng (Điều 93 Luật TĐKT)**

1. Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bị hủy bỏ, hiện vật khen thưởng và tiền thưởng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian dối trong việc kê khai công trạng, thành tích để được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Cung cấp thông tin sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ để đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

c) Thẩm định, xét, duyệt, đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trái quy định của pháp luật;

d) Có kết luận, quyết định, bản án của cơ quan có thẩm quyền về việc người đã được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có vi phạm, khuyết điểm dẫn đến không bảo đảm tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong khoảng thời gian tính thành tích hoặc liên quan đến công trình, tác phẩm là cơ sở để tặng giải thưởng.

3. Cá nhân được tặng danh hiệu vinh dự nhà nước mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Cá nhân được tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” thời kỳ kháng chiến, “Anh hùng Lực

lượng vũ trang nhân dân”, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác bị áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình hoặc tham gia hoạt động chống phá chế độ, Đảng, Nhà nước, đảo ngũ, phản bội, chiêu hồi mà bị chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

5. Pháp nhân thương mại được tặng danh hiệu vinh dự nhà nước mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

6. Cá nhân, pháp nhân thương mại bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước mà sau đó có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này thì được phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

7. Chủ tịch nước quyết định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.

8. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được xét tặng.

9. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; thủ tục tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước./.